

# SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG

## BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2024

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BẮC MÊ

Địa chỉ chi tiết: Tổ 01 Thị Trấn Yên Phú - huyện Bắc Mê - tỉnh Hà Giang, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê, Hà Giang

Số giấy phép hoạt động: 28/HAG-GPHĐ Ngày cấp: 22/02/2018

Tuyến trực thuộc: 3.Quận/Huyện

Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ TỈNH HÀ GIANG

Hạng bệnh viện: Hạng II

Loại bệnh viện: Đa khoa

### TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

- 1. TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 82/83 TIÊU CHÍ
- 2. TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 99%
- 3. TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 271 (Có hệ số: 293)
- 4. ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.29

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

| KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Tổng số tiêu chí |
|-----------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|------------------|
| 5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:   | 0     | 5     | 47    | 30    | 0     | 82               |
| 6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:          | 0.00  | 6.10  | 57.32 | 36.59 | 0.00  | 82               |

Ngày 30 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN  
(ký tên)

Hoàng Thị Thu Hằng



**Bs. Nguyễn Ngọc Chung**

# BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN NĂM 2024

## I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

| Mã số | Chỉ tiêu   | Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024 | Đoàn KT đánh giá NĂM 2024 | Chi tiết |
|-------|--|--------------------------------|---------------------------|----------|
| A     | PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)  |                                |                           |          |
| A1    | A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)   |                                |                           |          |
| A1.1  | Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể  | 4                              | 0                         |          |
| A1.2  | Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật            | 3                              | 0                         |          |
| A1.3  | Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh                                   | 3                              | 0                         |          |
| A1.4  | Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời  | 3                              | 0                         |          |
| A1.5  | Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên   | 3                              | 0                         |          |
| A1.6  | Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện | 3                              | 0                         |          |
| A2    | A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)  |                                |                           |          |
| A2.1  | Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường  | 4                              | 0                         |          |
| A2.2  | Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện  | 3                              | 0                         |          |
| A2.3  | Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt  | 4                              | 0                         |          |
| A2.4  | Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý                                 | 3                              | 0                         |          |
| A2.5  | Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện          | 3                              | 0                         |          |
| A3    | A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)   |                                |                           |          |
| A3.1  | Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp   | 3                              | 0                         |          |
| A3.2  | Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp   | 3                              | 0                         |          |
| A4    | A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)  |                                |                           |          |
| A4.1  | Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị  | 4                              | 0                         |          |
| A4.2  | Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân   | 4                              | 0                         |          |
| A4.3  | Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác   | 4                              | 0                         |          |
| A4.4  | Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế  | 0                              | 0                         |          |
| A4.5  | Người bệnh có ý kiến phản nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời     | 4                              | 0                         |          |
| A4.6  | Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp                 | 4                              | 0                         |          |
| B     | PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)   |                                |                           |          |
| B1    | B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)  |                                |                           |          |
| B1.1  | Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện  | 3                              | 0                         |          |
| B1.2  | Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện   | 3                              | 0                         |          |
| B1.3  | Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện  | 3                              | 0                         |          |
| B2    | B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)  |                                |                           |          |
| B2.1  | Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp  | 4                              | 0                         |          |
| B2.2  | Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức  | 4                              | 0                         |          |
| B2.3  | Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực   | 4                              | 0                         |          |
| B3    | B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)   |                                |                           |          |
| B3.1  | Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế   | 3                              | 0                         |          |
| B3.2  | Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế                    | 4                              | 0                         |          |

| Mã số | Chỉ tiêu   | Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024 | Đoàn KT đánh giá NĂM 2024 | Chi tiết |
|-------|--|--------------------------------|---------------------------|----------|
| B3.3  | Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện   | 4                              | 0                         |          |
| B3.4  | Tạo dựng môi trường làm việc tích cực cho nhân viên y tế   | 4                              | 0                         |          |
| B4    | B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)   |                                |                           |          |
| B4.1  | Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai                                       | 3                              | 0                         |          |
| B4.2  | Triển khai văn bản của các cấp quản lý   | 4                              | 0                         |          |
| B4.3  | Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện  | 3                              | 0                         |          |
| B4.4  | Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận   | 4                              | 0                         |          |
| C     | PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)  |                                |                           |          |
| C1    | C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)  |                                |                           |          |
| C1.1  | Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện   | 3                              | 0                         |          |
| C1.2  | Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ  | 3                              | 0                         |          |
| C2    | C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)  |                                |                           |          |
| C2.1  | Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học   | 3                              | 0                         |          |
| C2.2  | Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học  | 4                              | 0                         |          |
| C3    | C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)   |                                |                           |          |
| C3.1  | Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế  | 3                              | 0                         |          |
| C3.2  | Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn                               | 4                              | 0                         |          |
| C4    | C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)  |                                |                           |          |
| C4.1  | Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn   | 3                              | 0                         |          |
| C4.2  | Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện                       | 3                              | 0                         |          |
| C4.3  | Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay   | 2                              | 0                         |          |
| C4.4  | Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện   | 3                              | 0                         |          |
| C4.5  | Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                              | 2                              | 0                         |          |
| C4.6  | Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định                             | 3                              | 0                         |          |
| C5    | C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)   |                                |                           |          |
| C5.1  | Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật   | 2                              | 0                         |          |
| C5.2  | Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới   | 4                              | 0                         |          |
| C5.3  | Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng            | 3                              | 0                         |          |
| C5.4  | Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị   | 3                              | 0                         |          |
| C5.5  | Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện                                       | 3                              | 0                         |          |
| C6    | C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)  |                                |                           |          |
| C6.1  | Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả  | 3                              | 0                         |          |
| C6.2  | Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị | 4                              | 0                         |          |
| C6.3  | Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện  | 3                              | 0                         |          |
| C7    | C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)   |                                |                           |          |
| C7.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện                        | 3                              | 0                         |          |
| C7.2  | Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện                            | 2                              | 0                         |          |
| C7.3  | Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện  | 4                              | 0                         |          |
| C7.4  | Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý  | 3                              | 0                         |          |
| C7.5  | Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện                                  | 3                              | 0                         |          |
| C8    | C8. Chất lượng xét nghiệm (2)  |                                |                           |          |

| Mã số | Chỉ tiêu   | Bệnh viện tự đánh giá NĂM 2024 | Đoàn KT đánh giá NĂM 2024 | Chi tiết |
|-------|--|--------------------------------|---------------------------|----------|
| C8.1  | Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh                               | 3                              | 0                         |          |
| C8.2  | Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm  | 3                              | 0                         |          |
| C9    | C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)  |                                |                           |          |
| C9.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược  | 3                              | 0                         |          |
| C9.2  | Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược   | 4                              | 0                         |          |
| C9.3  | Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng  | 4                              | 0                         |          |
| C9.4  | Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý  | 3                              | 0                         |          |
| C9.5  | Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng                    | 3                              | 0                         |          |
| C9.6  | Hội đồng thuốc và điều trị được thiết lập và hoạt động hiệu quả  | 3                              | 0                         |          |
| C10   | C10. Nghiên cứu khoa học (2)   |                                |                           |          |
| C10.1 | Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học  | 3                              | 0                         |          |
| C10.2 | Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh     | 4                              | 0                         |          |
| D     | PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)   |                                |                           |          |
| D1    | D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)  |                                |                           |          |
| D1.1  | Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện  | 4                              | 0                         |          |
| D1.2  | Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện   | 3                              | 0                         |          |
| D1.3  | Xây dựng văn hóa chất lượng  | 3                              | 0                         |          |
| D2    | D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)   |                                |                           |          |
| D2.1  | Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh   | 4                              | 0                         |          |
| D2.2  | Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục                                 | 4                              | 0                         |          |
| D2.3  | Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa  | 3                              | 0                         |          |
| D2.4  | Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ   | 4                              | 0                         |          |
| D2.5  | Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã   | 3                              | 0                         |          |
| D3    | D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)   |                                |                           |          |
| D3.1  | Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện  | 4                              | 0                         |          |
| D3.2  | Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện   | 3                              | 0                         |          |
| D3.3  | Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện    | 3                              | 0                         |          |
| E     | PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA   |                                |                           |          |
| E1    | E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4) |                                |                           |          |
| E1.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh  | 3                              | 0                         |          |
| E1.2  | Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh                | 4                              | 0                         |          |
| E1.3  | Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF            | 3                              | 0                         |          |
| E2.1  | Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa   | 2                              | 0                         |          |

## II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

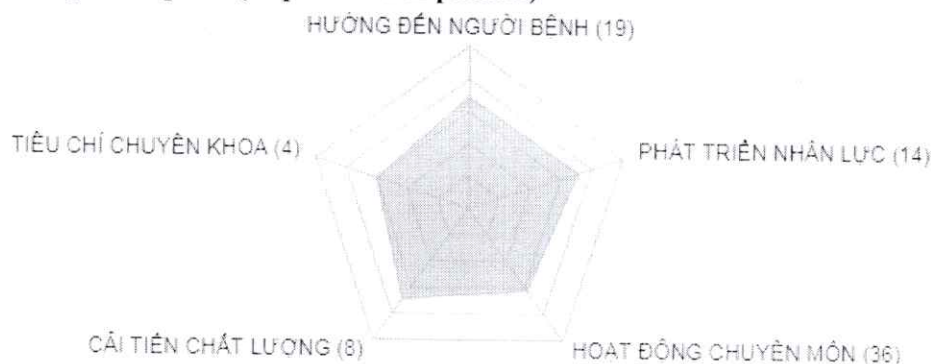
| KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC  | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 | Điểm TB | Số TC áp dụng |
|--|-------|-------|-------|-------|-------|---------|---------------|
| <b>PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)</b>   | 0     | 0     | 10    | 8     | 0     | 3.44    | 18            |
| A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)   | 0     | 0     | 5     | 1     | 0     | 3.17    | 6             |
| A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)  | 0     | 0     | 3     | 2     | 0     | 3.40    | 5             |
| A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)   | 0     | 0     | 2     | 0     | 0     | 3.00    | 2             |
| A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)  | 0     | 0     | 0     | 5     | 0     | 4.00    | 5             |
| <b>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)</b>  | 0     | 0     | 6     | 8     | 0     | 3.57    | 14            |
| B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)  | 0     | 0     | 3     | 0     | 0     | 3.00    | 3             |
| B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)  | 0     | 0     | 0     | 3     | 0     | 4.00    | 3             |
| B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)   | 0     | 0     | 1     | 3     | 0     | 3.75    | 4             |
| B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)   | 0     | 0     | 2     | 2     | 0     | 3.50    | 4             |
| <b>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)</b>   | 0     | 4     | 23    | 8     | 0     | 3.11    | 35            |
| C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)  | 0     | 0     | 2     | 0     | 0     | 3.00    | 2             |
| C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)  | 0     | 0     | 1     | 1     | 0     | 3.50    | 2             |
| C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)   | 0     | 0     | 1     | 1     | 0     | 3.50    | 2             |
| C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)  | 0     | 2     | 4     | 0     | 0     | 2.67    | 6             |
| C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)   | 0     | 1     | 3     | 1     | 0     | 3.00    | 5             |
| C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)  | 0     | 0     | 2     | 1     | 0     | 3.33    | 3             |
| C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)   | 0     | 1     | 3     | 1     | 0     | 3.00    | 5             |
| C8. Chất lượng xét nghiệm (2)  | 0     | 0     | 2     | 0     | 0     | 3.00    | 2             |
| C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)  | 0     | 0     | 4     | 2     | 0     | 3.33    | 6             |
| C10. Nghiên cứu khoa học (2)   | 0     | 0     | 1     | 1     | 0     | 3.50    | 2             |
| <b>PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)</b>  | 0     | 0     | 6     | 5     | 0     | 3.45    | 11            |
| D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)  | 0     | 0     | 2     | 1     | 0     | 3.33    | 3             |
| D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)   | 0     | 0     | 2     | 3     | 0     | 3.60    | 5             |
| D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)   | 0     | 0     | 2     | 1     | 0     | 3.33    | 3             |
| <b>PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA</b>  | 0     | 1     | 2     | 1     | 0     | 3.00    | 4             |
| E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4) | 0     | 0     | 2     | 1     | 0     | 3.33    | 3             |

### III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

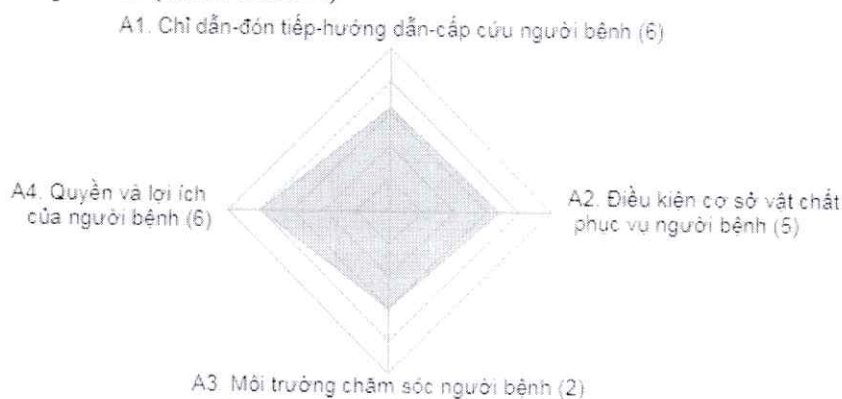
Quy trình triển khai; Bệnh viện tự kiểm tra công tác y tế vào ngày 19/11/ 2024 theo đúng kế hoạch kiểm tra công tác y tế năm 2024. Trường đoàn kiểm tra nêu rõ mục đích, phương pháp và thời gian kiểm tra, đoàn kiểm tra bệnh viện phân công nội dung kiểm tra, đánh giá cho các thành viên trong đoàn . Phân công nhiệm vụ đoàn kiểm tra . 1. Ông Nguyễn Ngọc Chung: Giám đốc Bệnh viện Trường đoàn - Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành chung các hoạt động thực hiện công tác kiểm tra theo bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện. 2.. Bà Nguyễn Thị Giang - Phó Giám Đốc Bệnh viện: - Phó trưởng đoàn. - Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành chung các hoạt động thực hiện công tác kiểm tra theo bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện. 3. Ông Dương Trung Tượng; Trưởng phòng kế hoạch - Tổng hợp, Đỗ Thị Tuyết Nhung Phòng kế hoạch - Tổng hợp - Tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện các mã số các nhóm tiêu chí C9 , 4. Bà Hoàng Thị Thu Hạnh: Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp - Thư ký -Tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện các mã số các nhóm tiêu chí D1,D2,D3. C10 .5. Bà Đặng Thanh Hoa Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính; Ông Nông Văn Yên Trưởng khoa Khám Bệnh; Ông Phạm Trung Kiên phó trưởng khoa Khám bệnh; Vương Văn Thành phòng Tổ chức Bệnh viện, Trần Văn Chương phòng Tổ chức Bệnh viện; Bà Sầm Thị Khôi khoa Khám bệnh; Bà Vương Thu Diệp phòng Kế toán. ( Do Bà Đặng Thanh Hoa Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính phân công) -Tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện các mã số các nhóm tiêu chí. A1. A2. A3. A4. B1. B2. B3. B4. C1.C3. - Khảo sát hài lòng nhân viên Y tế năm 2024 .6. Bà Nguyễn Thị Thu Hương Phó trưởng phòng điều dưỡng; Bà Nguyễn Thị Thúy phụ trách khoa kiểm soát nhiễm khuẩn; Bà Sầm Thị Khôi Điều dưỡng trưởng khoa Khám bệnh (Bà Nguyễn Thị Thu Hương làm tổ trưởng). - Tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện các mã số các nhóm tiêu chí C4, C6, C7. - Khảo sát hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú 7. D/s Lê Thị Linh Trưởng khoa đực; ĐD Đào Bích Thêm khoa Ngoại sản; ĐD Nguyễn Thị Lý khoa Nhi. Kiểm tra C2, C5, C8 .

### IV. BIỂU ĐỒ CÁC KHÍA CẠNH CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

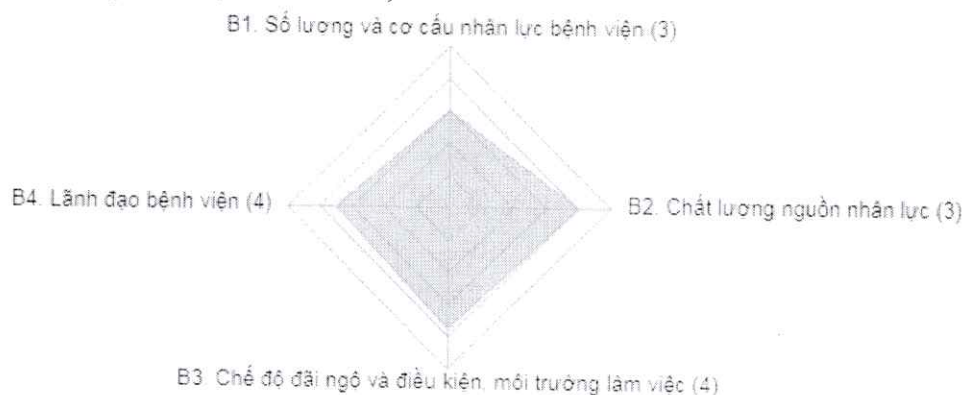
- a. Biểu đồ chung cho 5 phần (từ phần A đến phần E)



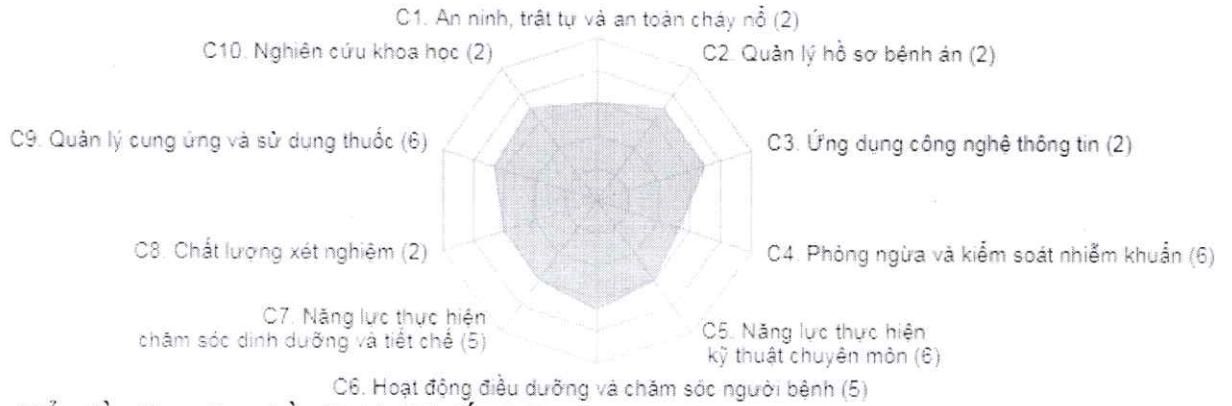
- b. Biểu đồ riêng cho phần A (từ A1 đến A4)



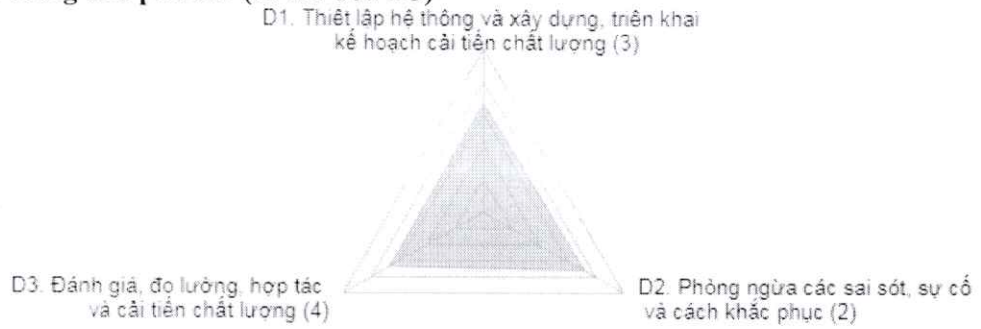
- c. Biểu đồ riêng cho phần B (từ B1 đến B4)



- d. Biểu đồ riêng cho phần C (từ C1 đến C10)**



- e. Biểu đồ riêng cho phần D (từ D1 đến D3)**



**V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN**

Người bệnh vào viện được làm các thủ tục, khám bệnh thanh toán theo đúng thứ tự đảm bảo tính công bằng và mức ưu tiên, được nộp viện phí thuận tiện công khai minh bạch chính xác

- Bệnh viện đã xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực, đã chú trọng công tác đào tạo để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng giao tiếp,
- Đảm bảo chế độ chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ cho nhân viên.
- Đã xây dựng kế hoạch quy hoạch phát triển bệnh viện và triển khai đầy đủ các văn bản của cấp trên
- Thực hiện quy trình kỹ thuật chuyên môn đúng theo danh mục và phân tuyến. Trong năm triển khai 7 dịch vụ kỹ thuật mới.
- Người bệnh được hướng dẫn tư vấn chế độ ăn bệnh lý.
- Bệnh viện thực hiện tốt công tác cung ứng thuốc, đảm bảo cho nhu cầu điều trị tại bệnh viện, kho dược được bố trí thuận tiện cho việc xuất nhập, có đầy đủ các trang thiết bị cho bảo quản thuốc.
- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm sự cố y khoa.

**VI. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI**

Cơ sở hạ tầng của bệnh viện rất chật hẹp.  
 Thiếu trang thiết bị y tế đặc biệt là các trang thiết bị cận lâm sàng phục vụ công tác khám bệnh.  
 Trình độ chuyên môn cán bộ, thiếu bác sỹ chuyên khoa nên đôi lúc còn gặp khó khăn trong công việc.  
 Lò đốt rác chưa đảm bảo, đốt thủ công.  
 Bồn nước rửa tay tự động chưa có.

**VII. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

Bệnh viện đã thành lập đủ hội đồng, tổ, mạng lưới chất lượng bệnh viện, xây dựng kế hoạch, đề án chỉ tiến và các chỉ số chất lượng bệnh viện.

- Có kế hoạch phát triển nhân lực đề cập đầy đủ các nội dung liên quan đến tuyển dụng, sử dụng, đào tạo liên tục và duy trì phát triển nguồn nhân lực.
- Có thiết bị giặt và hấp sấy đồ vải, dụng cụ.
- Công tác điều dưỡng có kế hoạch hoạt động và có kiểm tra giám sát công tác chăm sóc người bệnh.
- Công tác dinh dưỡng đã thành lập khoa, có lưu mẫu thức ăn theo quy định.
- Đã triển khai hệ thống báo cáo sự cố y khoa. Trang thông tin điện tử của bệnh viện cập nhật thông tin thường xuyên.
- Khoa dược cơ bản đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh trong năm 2024. Công tác thống kê, báo cáo vật tư phòng chống dịch đảm bảo theo quy định. Hội đồng thuốc và điều trị có đầy đủ biên bản họp theo quy định.ăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động chuyên môn, công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Thực hiện tốt công tác điều dưỡng, dinh dưỡng.
- Bố trí đơn nguyên sơ sinh.
- Thực hiện tốt công tác chuyên môn, phân tích sự cố y khoa.
- Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học.
- Đào tạo Dược sỹ chuyên khoa Dược lâm sàng, đánh giá thường xuyên việc phân tích sử dụng thuốc.

**VIII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

Kế hoạch tổng thể, KH năm về phát triển nhân lực y tế cần bám sát thực tiễn, đưa ra giải pháp thực hiện hiệu quả hơn, đánh giá kết quả cần bám sát các mục tiêu.

- Nâng cao Chất lượng điều trị .
- Thực hiện nghiêm báo cáo đánh giá phân tích sự cố y khoa.
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động chuyên môn, công tác kiểm soát nhiễm khuẩn

**IX. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**

Hội đồng quản ý chất lượng và tổ quản lý chất lượng xây dựng kế hoạch phân công cụ thể chi tiết cho các cá nhân, khoa, phòng thực hiện, các tiêu chí và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện.

- Cần tìm các giải pháp khắc phục các tiêu chí ở mức 2 không để các tiêu chí ở mức 2,3 tụt về mức 1
- Hoàn thiện phần đầu các tiêu chí ở mức 3 lên mức 4 và mức 5

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN  
(ký tên)

Hoàng Thị Thu Thảo

Ngày 10 tháng 11 năm 2024



**Bs. Nguyễn Ngọc Chung**